

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2026

V/v “*Tranh chấp HNGĐ*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đình Tư và ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Lê Anh Tuấn – Kiểm Sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2026/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị L**, sinh năm 1980, số CCCD: 040180022799

Địa chỉ: **xóm N, xã Q, tỉnh Nghệ An**. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1977, số CCCD: 040077014982

Địa chỉ: **xóm N, xã Q, tỉnh Nghệ An**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Ngô Thị L** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh **Trần Văn T** tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn năm 2002 theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 18/02/2002 tại **UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An** (Nay là **UBND xã Q, tỉnh Nghệ An**). Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến xảy ra cãi vã làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình. Hai bên đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh **Trần Văn T**.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là cháu **Trần Thị Thu H** (nữ), sinh ngày 09/5/2003 và cháu **Trần Gia H1** (nam), sinh ngày

05/10/2006. Cả hai cháu hiện tại đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh **Trần Văn T**:*

Tại phiên hòa giải ngày 29/5/2026 tại Tòa án, anh **T** trình bày anh và chị **Ngô Thị L** tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn năm 2002 theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 18/02/2002 tại **UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An** (Nay là **UBND xã Q, tỉnh Nghệ An**). Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến xảy ra cãi vã làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình. Hai bên đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **L** đề nghị ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị **Ngô Thị L**. Về con chung: có 02 con chung là cháu **Trần Thị Thu H** (nữ), sinh ngày 09/5/2003 và cháu **Trần Gia H1** (nam), sinh ngày 05/10/2006. Cả hai cháu hiện tại đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành cùng ngày trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Tuy nhiên ngày 05/6/2026, anh **Trần Văn T** nộp bản tự khai thay đổi ý kiến, về hôn nhân không đồng ý ly hôn với chị **Ngô Thị L** vì muốn vợ chồng đoàn tụ, quay về sống cùng nhau. Về con chung, tài sản chung và các vấn đề liên quan đến tài sản anh **T** vẫn giữ nguyên ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu đã trình bày. Chị **L** nhất quyết xin ly hôn do mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm để xây dựng hạnh phúc gia đình được nữa. Bị đơn anh **Trần Văn T** không đồng ý ly hôn vì muốn vợ chồng đoàn tụ, quay về sống cùng nhau.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Ngô Thị L**.

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ngô Thị L** được ly hôn với anh **Trần Văn T**.

Về con chung: đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Buộc chị **Ngô Thị L** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị **Ngô Thị L** và anh **Trần Văn T** là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Anh **Trần Văn T** đăng ký thường trú tại **xã Q, tỉnh Nghệ An**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An theo quy định tại khoản 1 điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi, thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa chị **Ngô Thị L** và anh **Trần Văn T** về tất cả các mối quan hệ cần giải quyết trong vụ án nhưng các bên đương sự không thống nhất được phương án giải quyết. Do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị **Ngô Thị L** và anh **Trần Văn T** được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 18/02/2002 tại **UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An** (Nay là **UBND xã Q, tỉnh Nghệ An**). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Bị đơn cho rằng mâu thuẫn không quá lớn, không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có giải pháp thiết thực hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã kiên trì hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng hai bên không tìm được tiếng nói chung, chị **L** một hai xin được ly hôn để giải phóng. Anh chị thừa nhận cả hai đã không sống chung từ lâu, cuộc sống ai người nấy lo. Xét thấy giữa nguyên đơn và bị đơn không có khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Trần Thị Thu H** (nữ), sinh ngày 09/5/2003 và cháu **Trần Gia H1** (nam), sinh ngày 05/10/2006. Cả hai cháu hiện tại đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Ngô Thị L** và anh **Trần Văn T** không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị **Ngô Thị L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273; Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Ngô Thị L.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ngô Thị L** được ly hôn với anh **Trần Văn T.**
2. Về con chung: đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.
4. Về án phí: Buộc chị **Ngô Thị L** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Nghệ An theo lai số 0001841 ngày 19 tháng 3 năm 2026. Chị **Ngô Thị L** đã nộp đủ án phí sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị **Ngô Thị L** và anh **Trần Văn T** được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ an;
- VKSND Khu vực 3 - Nghệ An;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Nghệ An;
- UBND xã Quảng Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Nguyễn